

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;
2. Ông Trần Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Xí H (KL), sinh năm 1986, nơi cư trú: số 285, ấp C, xã N, huyện R, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 13, khóm C, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (bà H có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và lời khai cung cấp trong quá trình

giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Xí H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268 ngày 24/10/2007. Quá trình chung sống vào thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông T không sống chung từ năm 2010 đến năm 2019 thì bà làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố K nhưng đã rút đơn khởi kiện. Hiện nay ông T đã có vợ và con riêng nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T sinh được 01 con chung tên Nguyễn Minh KB, sinh ngày 06/6/2008. Bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại Ban khóm C, phường X, thành phố K. Ban khóm cho biết ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13, khóm C, phường X, thành phố K; Thông tin được lưu trữ trong sổ bộ năm 2017.

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên Báo Công lý và Đài phát thanh, truyền hình Trung ương. Tuy nhiên ông T không có mặt để giải quyết ly hôn với bà H. Do đó Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H, ông T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H xác định nguyên nhân phát sinh từ ông T có người phụ nữ khác nên đã bỏ đi từ 2010 đến nay do đó đời sống chung không hạnh phúc. Xét ông T đã bỏ đi từ năm 2010 đến nay cho thấy vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở.

- *Về con chung*: Bà H xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông T có 01 con chung tên Nguyễn Minh KB, sinh ngày 06/6/2008 do bà H nuôi dạy từ nhỏ cho đến nay. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh KB được sống chung với mẹ (bà H), đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm C, phường X, thành phố K. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Phan Thị Xí H và ông Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268 ngày 24/10/2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà H, ông T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của bà H, ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung, bà H xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh KB, sinh ngày 06/6/2008 hiện nay do bà H chăm sóc, nuôi dạy. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh KB muốn sống với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dạy và chăm sóc. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định,

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Xí H (KL).

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Xí H (KL) được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

[2] Về con chung: Bà bà Phan Thị Xí H (KL) được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Minh KB, sinh ngày 06/6/2008 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Phan Thị Xí H (KL) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003904 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 268, ngày 24 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố K, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, bà H, ông T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- UBND phường B (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương